TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HS-ST
Ngày 24 - 11 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tòng Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khiển;

Ông Lý A Tu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tùng Lâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Ngần Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức A, sinh ngày 18 tháng 10 năm 1994 tại thành phố S, tỉnh Sơn La; Nơi ĐKHKTT: Tổ H, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp trước khi bị bắt: Nhân viên tín dụng Ngân hàng N chi nhánh huyện M; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Đức C và bà Nguyễn Hải L; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 08/5/2023, đến ngày 02/8/2023 áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/10/2023 đến nay. Có mặt.

- *Các bị hại*:

+ Ông Lèo Văn X, sinh năm 1973. Địa chỉ: Bản M, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

+ Ông Hà Anh T, sinh năm 1993. Địa chỉ: Bản M, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Hải L, sinh năm 1971. Địa chỉ: Tổ H, phường Q, thành phố

S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

+ Ngân hàng N chi nhánh huyện M. Do ông Phạm Quang T1 – Giám đốc chi nhánh làm đại diện. Có mặt.

+ Ngân hàng N – Phòng giao dịch xã C, huyện M. Do bà Nguyễn Thị Thanh L1 – Giám đốc chi nhánh làm đại diện. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2020, Nguyễn Đức A đầu tư tiền ảo và chứng khoán bị thua lỗ, lâm vào tình trạng nợ nần và mất khả năng về tài chính. Giữa năm 2021, Đức A lợi dụng mình là Nhân viên tín dụng của Ngân hàng N chi nhánh huyện M (ngân hàng A2), đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của khách hàng. Khi thấy hồ sơ vay vốn của khách hàng do mình quản lý còn hạn mức tín dụng và thời hạn duy trì hạn mức, Đức A đã thực hiện thủ đoạn cho khách hàng ký khống vào giấy tờ trong hồ sơ thế chấp vay vốn để nâng khống mức vay so với nhu cầu vay của khách hàng. Đồng thời, lập khống hồ sơ mua bán nông sản giữa khách hàng vay với nhà cung cấp để ngân hàng giải ngân vào số tài khoản nhà cung cấp (số tài khoản này do Đức A mượn giấy tờ tùy thân của bạn bè lập trước đó). Sau khi hoàn thiện các thủ tục, đảm bảo đúng yêu cầu và trình tự của hồ sơ vay vốn, được ngân hàng giải ngân, Đức A đưa khách hàng số tiền theo nhu cầu vay của họ, phần còn lại sử dụng vào việc đầu tư tiền ảo và chứng khoán. Để che giấu thủ đoạn của mình, Đức A vẫn thực hiện nghĩa vụ trả lãi của khoản tiền nâng khống với ngân hàng theo quy định. Khi khách hàng phát hiện, Đức A hứa hẹn sẽ trả tiền lãi ngân hàng và số tiền có được từ việc nâng khống khoản vay nhưng đến thời điểm có đơn tố giác, Đức A đã chiếm đoạt 270.000.000 đồng của khách hàng. Cụ thể như sau:

1. Đối với hồ sơ vay vốn của ông Lèo Văn X, sinh năm 1973, trú tại bản Mé, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La, Nguyễn Đức A đã chiếm đoạt 100.000.000 đồng.

Tính đến ngày 10/02/2021, Lèo Văn X đang vay tại Ngân hàng A2 chi nhánh huyện M số tiền 550.000.000 đồng. Ngày 02/7/2021, X có nhu cầu vay thêm 100.000.000 đồng. Đức A đưa X ký khống vào các giấy tờ trong hồ sơ vay vốn rồi tự ý nâng khoản vay thêm của Xuyến thành 300.000.000 đồng (chênh lệch 200.000.000 đồng so với nhu cầu vay của X). Đức A lập khống hồ sơ mua bán nông sản giữa Lèo Văn X và Lê Thị Thúy H, sinh năm 1979, trú tại tiểu khu F, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La (là bạn của Đức A).

Trước đó, H cho Đức A mượn giấy tờ tùy thân, mở tài khoản ngân hàng A2 mang tên Lê Thị Thúy H để ngân hàng giải ngân vào tài khoản của H. Sau khi rút được 300.000.000 đồng, Đức A chuyển cho X 100.000.000 đồng; số tiền 200.000.000 đồng còn lại, Đức A sử dụng để trả nợ, đầu tư tiền ảo và chứng khoán. Đầu tháng 9/2021, X tiếp tục có nhu cầu vay thêm tại Ngân hàng A2 chi nhánh huyện M 100.000.000 đồng, bằng thủ đoạn tương tự, Đức A nâng khống mức vay thêm của X thành 650.000.000 đồng. Sau khi ngân hàng giải ngân vào tài khoản

của H, Đức A rút tiền và đưa X 100.000.000 đồng, số tiền 550.000.000 còn lại, Đức A sử dụng để trả nợ, đầu tư tiền ảo và chứng khoán. Như vậy, tổng số tiền Đức A nâng khống 02 lần qua hợp đồng vay của Lèo Văn X là 750.000.000 đồng.

Cuối tháng 12/2021, ngân hàng A2 đối chiếu dư nợ định kỳ, Lèo Văn X mới biết hồ sơ vay vốn của mình đã bị nâng khống thành mức vay 1.500.000.000 đồng (chênh lệch 750.000.000 đồng so với vay thực tế). Xuyến gặp Đức A hỏi về nội dung này, Đức A thừa nhận việc làm của mình và hứa hẹn sẽ thanh toán đầy đủ khoản tiền chênh lệch cho X để X thực hiện nghĩa vụ thanh toán với ngân hàng, còn tiền lãi thì Đức A sẽ trực tiếp thanh toán với ngân hàng, X đồng ý. Ngày 05/8/2022, mẹ của bị can là Nguyễn Hải L trả Xuyến 650.000.000 đồng. Ngày 22/8/2022, Lèo Văn X có đơn trình báo tại Công an huyện M.

2. Đối với hồ sơ vay vốn của Hà Anh T, sinh năm 1993, trú tại bản Mé, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La, Nguyễn Đức A chiếm đoạt 170.000.000 đồng.

Tính đến ngày 18/9/2019, Hà Anh T đang vay tại Ngân hàng A2 chi nhánh huyện M 1.000.000.000 đồng. Ngày 06/5/2021, T có nhu cầu vay thêm 500.000.000 đồng. Đức A đưa T ký khống vào các giấy tờ trong hồ sơ vay vốn rồi tự ý nâng khoản vay thêm của T thành 1.100.000.000 đồng (chênh lệch 600.000.000 đồng so với nhu cầu vay của T). Đức A lập khống hồ sơ mua bán nông sản giữa Hà Anh T và Lò Hà A1, sinh năm 1994, trú tại tổ A, phường Q, thành phố S (là bạn của Đức A). Trước đó, Hà A1 cho Đức A mượn giấy tờ tùy thân mở tài khoản ngân hàng A2 mang tên Lò Hà A1 để ngân hàng giải ngân vào tài khoản của Hà A1. Sau khi rút được 1.100.000.000 đồng, Đức A chuyển cho T 500.000.000 đồng, số tiền 600.000.000 đồng còn lại Đức A sử dụng để trả nợ, đầu tư tiền ảo và chứng khoán. Cuối tháng 12/2021, ngân hàng A2 đối chiếu dư nợ định kỳ, Hà Anh T mới biết hồ sơ vay vốn của mình đã bị nâng 2.100.000.000 đồng (chênh lệch 600.000.000 đồng so với vay thực tế của T). T gặp Đức A hỏi về nội dung này, Đức A thừa nhận việc làm của mình và hứa hẹn sẽ thanh toán đầy đủ khoản tiền chênh lệch cho T để T thực hiện nghĩa vụ thanh toán với ngân hàng, còn tiền lãi thì Đức A sẽ trực tiếp thanh toán với ngân hàng, T2 đồng ý.

Tháng 01/2022, Nguyễn Đức A chuyển công tác theo quyết định điều động của ngân hàng A2 đến Phòng G đặt tại xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Đức A và T thống nhất chuyển khoản vay của T đến Phòng G. Tháng 3/2022, Đức A bỏ tiền cá nhân tất toán khoản vay 2.100.000.000 đồng của T tại ngân hàng A2. Sau đó, T đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Đức A làm thủ tục vay 1.500.000.000 đồng tại Phòng G đứng tên vợ của T là Tòng Thị C1. Bằng thủ đoạn tương tự như đã thực hiện trước đó tại ngân hàng A2, Đức A nâng số tiền vay của C1 tại Phòng G1 Nòi thành 2.000.000.000 đồng (chênh lệch 500.000.000 đồng so với nhu cầu vay thực tế của T). Sau đó, Đức A lập khống hồ sơ mua bán nông sản giữa Tòng Thị C1 và Nguyễn Gia L2, sinh năm 1990, trú tại tổ G, thị trấn T, huyện T (là bạn của Đức A). Trước đó, L2 cho Đức A mượn giấy tờ tùy thân mở tài khoản ngân hàng A2 mang tên Nguyễn Gia L2 để ngân hàng giải ngân vào tài khoản của L2. Sau khi rút được 2.000.000.000 đồng, Đức A chuyển cho T 1.500.000.000 đồng; số tiền 500.000.000 đồng còn lại, Đức A sử dụng để trả nợ,

đầu tư tiền ảo và chứng khoán.

Ngày 05/8/2022, mẹ của bị cáo là Nguyễn Hải L trả cho T 330.000.000 đồng. Ngày 22/8/2022, Hà Anh T có đơn trình báo tại Công an huyện M, tỉnh Sơn La.

Đối với Lê Thị Thúy H, Nguyễn Gia L2, Lò Hà A1. Quá trình điều tra xác định: Bị cáo Nguyễn Đức A đã lợi dụng mối quan hệ bạn bè và họ hàng nên Đức A đã mượn giấy chứng minh nhân dân của H, L2 và Hà A1 để đăng ký mở tài khoản ngân hàng A2 mang tên Lê Thị Thúy H, Nguyễn Gia L2, Lò Hà A1, những người này không biết mục đích sử dụng cũng như không được hưởng lợi gì từ Đức A nên không có căn cứ để xử lý.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại Samsung Galaxy S10 + đã qua sử dụng kèm 01 sim điện thoại (thu giữ của Nguyễn Đức A).

Trách nhiệm dân sự: Tháng 4/2023, mẹ của bị can là Nguyễn Hải L trả Lèo Văn X 100.000.000 đồng và 170.000.000 đồng cho Hà Anh T. Đến nay, các bị hại không có ý kiến gì.

Tại bản Cáo trạng số: 140/CTr-VKS-P3 ngày 16/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức A về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo Nguyễn Đức A thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và không khai báo gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Hải L xác nhận bị cáo đã tác động để bà trả tiền cho bị hại Lèo Văn X 100.000.000 đồng và bị hại Hà Anh T là 170.000.000 đồng, nay không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiến đã bồi thường.

+ Đại diện Ngân hàng N chi nhánh huyện M xác nhận sau khi đối chiếu với khách hàng vay là Lèo Văn X và Hà Anh T đối với khoản nợ của Ngân hàng, khách hàng vẫn xác nhận đầy đủ số tiền vay theo hợp đồng và khách hàng đã tất toán đầy đủ cho Ngân hàng từ tháng 9/2022. Nay không có yêu cầu và đề nghị gì.

+ Đại diện Ngân hàng N – Phòng giao dịch xã C, huyện M: Xác nhận sau khi đối chiếu với khách hàng vay là Hà Anh T đối với khoản nợ của Ngân hàng, khách hàng vẫn xác nhận đầy đủ số tiền vay theo hợp đồng và khách hàng đã tất toán đầy đủ cho Ngân hàng từ tháng 7/2022. Nay không có yêu cầu và đề nghị gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La giữ nguyên Quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Đức A và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức A phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Đề nghị áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Đức A 36 tháng tù nhưng cho hưởng án

treo, đề nghị Hội đồng xét xử ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc bị cáo Nguyễn Đức A và bà Nguyễn Hải L đại diện gia đình bị cáo Nguyễn Đức A đã bồi thường thiệt hại cho các bị hại ông Lèo Văn X số tiền 100.000.000 đồng và bồi thường cho ông Hà Anh T số tiền 170.000.000 đồng; các bị hại ông Lèo Văn X và Hà Anh T không yêu cầu bị cáo Nguyễn Đức A phải bồi thường thêm khoản tiền gì khác.

Chấp nhận việc bà Nguyễn Hải L không yêu cầu bị cáo Nguyễn Đức A phải hoàn trả số tiền đã bồi thường thiệt hại cho các bị hại.

Áp dụng khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đề nghị tuyên trả cho bị cáo Nguyễn Đức A: 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu SAMSUNG loại Galaxy S10.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo Nguyễn Đức A không có ý kiến tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, xử phạt bị cáo mức án thấp nhất và cho hưởng án treo, cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Nguyễn Đức A là nhân viên tín dụng của Ngân hàng N chi nhánh huyện M. Do nợ nần nhiều, Đức A đã lợi dụng lòng tin của khách hàng, nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của khách hàng thông qua thủ đoạn cho khách hàng ký khống vào hồ sơ vay vốn để nâng mức vay so với nhu cầu thực tế của khách hàng và lập khống hồ sơ để Ngân hàng N chi nhánh huyện M giải ngân, chiếm đoạt của 02 bị hại Lèo Văn X 100.000.000 đồng, Hà Anh T 170.000.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt là 270.000.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Đức A được chứng minh bằng các căn cứ sau:

- Đơn tố cáo đề ngày 22/8/2022 của ông Hà Anh T về việc Nguyễn Đức A đã lập khống hồ sơ vay vốn cho ông Hà Anh T. Cụ thể, khoảng tháng 8/2019, ông

Hà Anh T chỉ có nhu cầu vay vốn số tiền 1.500.000.000 đồng nhưng Đức A đã nâng khống khoản vay của ông T lên số tiền 2.000.000.000 đồng.

- Đơn tố cáo đề ngày 22/8/2022 của ông Lèo Văn X về việc Nguyễn Đức A đã lập khống hồ sơ vay vốn cho ông Lèo Văn X. Cụ thể, khoảng tháng 8/2020, ông Lèo Văn X chỉ có nhu cầu vay vốn số tiền 750.000.000 đồng nhưng Đức A đã nâng khống khoản vay của ông X lên số tiền 1.500.000.000 đồng.

- Hồ sơ vay vốn và hồ sơ nhận nợ của ông Lèo Văn X từ 01/01/2018 đến 15/11/2022.

- Hồ sơ vay vốn và hồ sơ nhận nợ của ông Hà Anh T từ 01/01/2019 đến 15/11/2022.

- Kết luận giám định số 300/KL-KTHS ngày 03/02/2023 của Phòng K Công an tỉnh S kết luận:

+ Chữ ký dưới mục "ĐẠI DIỆN BÊN B", "Bên nhận" (trừ phần chữ ký ở dòng trên) trên các mẫu cần giám định ký hiệu A15, A16; chữ ký, chữ viết mang tên Tòng Thị C1 trên mẫu cần giám định ký hiệu A9, *(trừ phần chữ ký, chữ viết mang tên Tòng Thị C1 ở dòng trên)* trên các mẫu cần giám định ký hiệu A2, A3, A4, A6, A7, A8, A10, A11, A14, A15, A16 so với chữ ký, chữ viết của Tòng Thị C1 trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M6 là do cùng một người ký, viết ra.

+ Chữ ký, chữ viết mang tên Tòng Thị C1 trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A5, A12, A13, A17 so với chữ ký, chữ viết của Tòng Thị C1 trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M6 không phải do cùng một người ký, viết ra.

+ Chữ ký dưới mục "ĐẠI DIỆN BÊN A", "Người lập phiếu", "Người giao hàng" trên các mẫu cần giám định ký hiệu A15, A16 và chữ ký mang tên Nguyễn Gia L2 trên các mẫu cần giám định ký hiệu A14, A17, A18, A19, A20, A21 so với chữ ký của Nguyễn Gia L2 trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M7 đến M12 không phải do cùng một người ký ra.

Chữ ký mang tên Nguyễn Gia L2 trên mẫu cần giám định ký hiệu A22 so với chữ ký của Nguyễn Gia L2 trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M7 đến M12 là do cùng một người ký ra.

+ Chữ ký, chữ viết mang tên Hà Anh T trên mẫu cần giám định ký hiệu A8, *(trừ phần chữ ký, chữ viết mang tên Hà Anh T ở dòng trên)* trên các mẫu cần giám định ký hiệu A2, A9 so với chữ ký, chữ viết của Hà Anh T trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M13 đến M15 là do cùng một người ký, viết ra.

+ Chữ ký, chữ viết mang tên Lò Hà A1 trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A23 đến A29 so với chữ ký, chữ viết của Lò Hà A1 trên các mẫu cần so sánh ký hiệu M16 không phải do cùng một người ký, viết ra.

- Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của các bị hại Lèo Văn X, Hà Anh T và các hồ sơ vay vốn, hồ sơ nhận nợ của các bị hại; Phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa về

việc bị cáo nâng khống các khoản vay cho khách hàng và lập khống các hồ sơ mua bán nông sản giữa các bị hại và các tài khoản do bị cáo tự lập ra.

Với các căn cứ chứng minh trên, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Đức A phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

Bị cáo Nguyễn Đức A dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của bị hại Lèo Văn X số tiền 100.000.000 đồng, chiếm đoạt của bị hại Hà Anh T số tiền 170.000.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại là 270.000.000 đồng, đã vi phạm tình tiết định khung hình phạt *"Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng*" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự, có mức hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Đức A là rất nghiêm trọng, lợi dụng sự tin tưởng của các bị hại, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của các bị hại Lèo Văn X và Hà Anh T với tổng số tiền 270.000.000 đồng, mặc dù toàn bộ tài sản chiếm đoạt đã được gia đình bị cáo bồi thường toàn bộ cho bị hại. Song, hành vi phạm tội của bị cáo trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây tác động xấu đến hoạt động kinh doanh, cho vay tiền của ngân hàng, ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện chính sách tài chính, tiền tệ của Nhà nước và gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

[5] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Đức A thực hiện chiếm đoạt của 2 bị hại, nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, thực sự ăn năn hối cải. Bản thân bị cáo cũng đã tác động gia đình chủ động bồi thường, khắc phục toàn bộ hậu quả cho các bị hại. Trong quá trình sinh sống và làm việc tại địa phương, bị cáo cũng có nhiều cống hiến được tặng thưởng giấy khen của đoàn thể và cơ quan nơi công tác. Gia đình bị cáo có ông, bà nội, ngoại được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến chống Mỹ và các loại giấy khen, bằng khen khác trong quá trình công tác. Ngoài ra, các bị hại có đơn đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Đức A. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần mở lượng khoan hồng, áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử

phạt bị cáo mức án dưới khung hình phạt được áp dụng và áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được cải tạo, giáo dục tại địa phương cũng bảo đảm biện pháp cải tạo, giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, bị cáo Nguyễn Đức A còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có tài sản và không còn thu nhập, không có khả năng để thi hành, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Đối với những người có liên quan:

Đối với Lê Thị Thúy H, Nguyễn Gia L2, Lò Hà A1. Quá trình điều tra đã xác định: Khi Nguyễn Đức A mượn giấy tờ tùy thân để đăng ký mở tài khoản ngân hàng A2 mang tên Lê Thị Thúy H, Nguyễn Gia L2, Lò Hà A1, những người này không biết mục đích sử dụng cũng như không được hưởng lợi gì từ Đức A nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Tháng 4/2023, bà Nguyễn Hải L (mẹ của Nguyễn Đức A) đã trả cho ông Lèo Văn X số tiền 100.000.000 đồng và trả cho ông Hà Anh T số tiền 170.000.000 đồng. Đến nay các bị hại không có đề nghị gì thêm.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Hải L không yêu cầu bị cáo Nguyễn Đức A phải hoàn trả số tiền đã sử dụng để bồi thường cho các bị hại.

Xét thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo, đại diện gia đình bị cáo và các bị hại là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và việc bồi thường đã thực hiện xong nên cần chấp nhận.

[9] Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu SAMSUNG loại Galaxy S10+, vỏ màu trắng, kèm theo 01 sim điện thoại. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tài sản cá nhân, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần tuyên trả lại cho bị cáo Nguyễn Đức A.

[10] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đức A phải phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức A phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức A 03 (ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ

thẩm (ngày 24/11/2023).

Giao bị cáo Nguyễn Đức A cho Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Chấp nhận việc bị cáo Nguyễn Đức A, bà Nguyễn Hải L đại diện gia đình bị cáo Nguyễn Đức A đã bồi thường thiệt hại cho bị hại ông Lèo Văn X số tiền 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*) và bị hại ông Hà Anh T số tiền 170.000.000 đồng *(một trăm bảy mươi triệu đồng)*; các bị hại ông Lèo Văn X, ông Hà Anh T không yêu cầu bị cáo Nguyễn Đức A phải bồi thường thêm khoản tiền gì khác.

Chấp nhận việc bà Nguyễn Hải L không yêu cầu bị cáo Nguyễn Đức A phải hoàn trả số tiền đã bồi thường thiệt hại cho các bị hại.

3. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên trả cho bị cáo Nguyễn Đức A: 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu SAMSUNG loại Galaxy S10+, vỏ màu trắng, kèm theo 01 sim điện thoại, được niêm phong trong 01 chiếc phong bì còn nguyên niêm phong.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Đức A phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo Nguyễn Đức A, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24/11/2023). Các bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh Sơn La;
- Cơ quan hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Sơn La;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV&THA;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Tòng Thị Hiền